

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Đình H, sinh năm 1987;
- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ cư trú: Số A Đường số b, tổ C, Khu phố D, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình H và bà Trần Thị H1 qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, Quyền số 1/2009 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Kim Tân, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình ngày 29/01/2009).

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ, cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Mặc dù ông bà đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau từ tháng 06 năm 2018 đến nay. Nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên ông bà cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Lê Đình H và bà Trần Thị H1 có 02 (hai) con chung là trẻ Lê Trần Gia H2, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2009 và Lê Trần Gia K, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2016. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận giao trẻ Lê Trần Gia H2 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao trẻ Lê Trần Gia K cho bà H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Tòa án ghi nhận

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Đình H và bà Trần Thị H1 xác nhận không có nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Đình H và bà Trần Thị H1 xác định không có nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Lê Đình H và bà Trần Thị H1 chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình H và bà Trần Thị H1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, Quyền số 1/2009 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Kim Tân, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình ngày 29/01/2009).

1.2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung là trẻ Lê Trần Gia H2, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2009 và Lê Trần Gia K, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2016. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận giao trẻ Lê Trần Gia H2 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao trẻ Lê Trần Gia K cho bà H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Đình H và bà Trần Thị H1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Đình H và bà Trần Thị H1 chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng

được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032503 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thom).

THẨM PHÁN

Mai Trần Cảnh